

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **32** /2024/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **10** tháng **12** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung chi tiết về bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015
và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ
chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung chi
tiết về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **20** tháng 12 năm
2024 và thay thế Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định trách nhiệm
quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi
trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các
cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết
định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ TN&MT;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Quyền CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- PCVP Nguyễn Cửu;
- Lưu: VT, KT(Th).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Một số nội dung chi tiết về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
(Kèm theo Quyết định số: **32** /2024/QĐ-UBND ngày **10** tháng **12** năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết một số nội dung của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 phù hợp với tình hình, điều kiện cụ thể tại địa phương, bao gồm: điểm c khoản 5 Điều 51; điểm b khoản 6 Điều 52; điểm c khoản 6 Điều 52; khoản 6 Điều 53; điểm c khoản 2 Điều 58 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 1 Quy định này trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp

1. Khuyến khích chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp liên danh, liên kết, hợp tác để xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo hướng chuyên môn hóa hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

2. Dự án đầu tư các công trình bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp được hưởng ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 132, 133, 134 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

Điều 4. Quy định lộ trình thực hiện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư

1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng không đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường phải di dời đến vùng khác đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư hoặc phải chấm dứt hoạt động hoặc phải chuyển đổi ngành nghề không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường theo lộ trình áp dụng như sau:

a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP không đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2027;

b) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP không đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2030.

c) Kho tàng không đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Trong thời gian thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 của Điều này, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động vẫn phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải theo quy định về quản lý chất thải và các yêu cầu khác được quy định trong giấy phép môi trường và giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 5. Quy định lộ trình di dời dân cư sinh sống ra khỏi cụm công nghiệp

1. Thực hiện di dời dân cư đang sinh sống ra khỏi cụm công nghiệp trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Hoạt động di dời hộ gia đình ra khỏi cụm công nghiệp được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 132, 133 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

Điều 6. Bảo vệ môi trường nông thôn

1. Hình thành và hoàn thiện các phương thức thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với đặc thù của từng địa phương; bố trí và đầu tư hạ tầng các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phù hợp; trang bị các phương tiện, trang thiết bị lưu chứa rác tại khu vực công cộng đảm bảo thuận tiện, thân thiện môi trường và mỹ quan.

2. Cụm dân cư nông thôn phải có hệ thống thoát nước đảm bảo thoát nước chung của khu vực.

3. Khuyến khích trồng cây xanh tại các khu vực công cộng, tuyến đường giao thông nông thôn; gắn xây dựng cảnh quan với phát triển du lịch nông thôn và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

4. Thực hiện lồng ghép các quy định bảo vệ môi trường nông thôn theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong thực hiện tiêu chí, chỉ tiêu môi trường trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì hướng dẫn các thủ tục pháp lý lĩnh vực tài nguyên và môi trường cho chủ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định.

2. Tổng hợp kết quả rà soát, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo. Thời gian hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp xúc tiến, thu hút các đơn vị đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp.

3. Tổ chức kiểm tra tình hình đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp đối với các chủ đầu tư xây dựng hạ tầng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì hướng dẫn thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác; tiếp tục nghiên cứu, xây dựng chính sách quy định hoạt động chăn nuôi, quy định về chăn thả động vật nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường; phối hợp với các địa phương tuyên truyền, vận động các hộ sản xuất đầu tư máy móc thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới phương thức tổ chức sản xuất nhằm bảo vệ môi trường trong các hoạt động sản xuất của làng nghề.

2. Chủ trì hướng dẫn chi tiết việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trong hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Điều 8 của Thông tư Liên tịch số 05/2016/TTLT- BNN-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

3. Phối hợp và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường ở các công trình thủy lợi, đê điều, bảo vệ tài nguyên rừng và các khu bảo tồn, cung cấp nước sạch ở vùng nông thôn, chống xói mòn đất; hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, sử dụng các loại phân bón, thuốc thú y, hóa chất trong sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh.

4. Chủ trì, phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp: Quản lý giống cây trồng, giống vật nuôi biến đổi gen và sản phẩm của chúng, công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm rau, củ, quả; công tác vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm đối với các cơ sở chăn nuôi và cơ sở giết mổ động vật; thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật về phát triển rừng và đa dạng sinh học.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định trong hoạt động đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện quản lý nước thải nông thôn theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành cho hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Căn cứ chủ trương đầu tư được phê duyệt, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn đầu tư công các giai đoạn và hàng năm cho các dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2. Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư đối với các dự án thuộc phạm vi, thẩm quyền được phân công tiếp nhận, giải quyết (các dự án thực hiện ngoài Khu công nghiệp, Khu kinh tế, các dự án thực hiện đồng thời cả trong và ngoài Khu công nghiệp, Khu kinh tế); hướng dẫn, thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư và Nghị quyết số 56/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh (nếu có) đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực xử lý chất thải phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và đảm bảo đáp ứng các điều kiện, tiêu chí theo quy định.

3. Chủ trì tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình, định hướng xúc tiến đầu tư hàng năm và trung hạn, dài hạn của tỉnh; trong đó, có nội dung thu hút đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi

trường khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh và các cơ quan liên quan khi có yêu cầu, đề nghị để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ xúc tiến, kêu gọi đầu tư.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh

Chỉ đạo, đôn đốc và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tại các khu công nghiệp chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức rà soát, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư. Kết quả rà soát gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. Thông báo, hướng dẫn cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trên địa bàn lộ trình chuyển đổi áp dụng quy chuẩn xả thải, lộ trình di dời.

3. Kiểm tra, rà soát và tổ chức theo dõi, đánh giá khu vực ô nhiễm, khoanh vùng xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường; theo dõi diễn biến chất lượng môi trường khu vực nông thôn trên địa bàn quản lý.

4. Tập trung nghiên cứu và chỉ đạo tổ chức thực hiện đạt các chỉ tiêu, tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới theo lộ trình đề ra, góp phần thực hiện hiệu quả các nội dung bảo vệ môi trường nông thôn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện di dời dân cư đang sinh sống ra khỏi cụm công nghiệp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31 tháng 01 năm 2026.

Điều 15. Hướng dẫn, tổ chức thi hành

Thủ trưởng các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện định kỳ báo cáo đánh giá, kết quả triển khai thực hiện Quy định này gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 01 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình thực hiện quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền phải kịp thời báo cáo, đề xuất gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét./.